

| STT | Chỉ số chính/Chỉ số thành phần | Điểm tối đa | Số liệu kê khai | Cách xác định và tính điểm | Ghi chú/ Tài liệu kiểm chứng | Điểm tự đánh giá |
|-----|--|-------------|---|--|---|--|
| 3 | Hạ tầng số | 100 | | | | [[diemcuoicung.Hatang sos]] |
| 3.1 | Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh | 10 | [[tyle.Tyledansotruongthanhcodienthoaitongminh]] | a = Số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh; b = Tổng dân số của Tỉnh, thành phố; - Tỷ lệ = a/b - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa | | [[diem.Tyledansotruongthanhcodienthoaitongminh]] |
| | Số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh | | [[Soluongnguoidantruongthanhcodienthoaitongminh]] | | Văn bản, tài liệu hoặc đường link chứng [[area.Soluongnguoidantruongthanhcodienthoaitongminh]] [[upload.Soluongnguoidantruongthanhcodienthoaitongminh]] | |
| 3.2 | Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh | 10 | [[tyle.Tylehogiadinhconguoicodienthoaitongminh]] | a = Số lượng hộ gia đình có người có điện thoại thông minh; b = Tổng số hộ gia đình của Tỉnh, thành phố; - Tỷ lệ = a/b - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa | | [[diem.Tylehogiadinhconguoicodienthoaitongminh]] |
| | Số lượng hộ gia đình có người có điện thoại thông minh | | [[Soluonghogiadinhconguoicodienthoaitongminh]] | | Văn bản, tài liệu hoặc đường link chứng [[area.Soluonghogiadinhconguoicodienthoaitongminh]] [[upload.Soluonghogiadinhconguoicodienthoaitongminh]] | |

| | | | | | | |
|-----|--|----|--|--|---|--|
| 3.3 | Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang | 10 | [[tyle.Tylehogiadinhcoketnointernetbangrongcapquang]] | a = Số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang; b = Tổng số hộ gia đình của Tỉnh, thành phố; - Tỷ lệ = a/b - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa | | [[diem.Tylehogiadinhcoketnointernetbangrongcapquang]] |
| | Số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang | | [[Soluonghogiadinhcoketnointernetbangrongcapquang]] | | Văn bản, tài liệu hoặc đường link chứng [[area.Soluonghogiadinhcoketnointernetbangrongcapquang]] [[upload.Soluonghogiadinhcoketnointernetbangrongcapquang]] | |
| 3.4 | Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng | 10 | [[tyle.TyleUBNDcapxaketnoimangTruyensolieuchuyendung]] | a = Số lượng UBND cấp xã của Tỉnh, thành phố kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng; b = Tổng số UBND cấp xã của Tỉnh, thành phố; - Tỷ lệ = a/b - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa | | [[diem.TyleUBNDcapxaketnoimangTruyensolieuchuyendung]] |

| | | | | | | |
|-----|---|----|---|--|---|--|
| | Số lượng UBND cấp xã của Tỉnh, thành phố kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng | | [[SoluongUBNDcapxacuaTinhthanhphoketnoimangTruyensolieuchuyendung]] | | Văn bản, tài liệu hoặc đường link chứng [[area.SoluongUBNDcapxacuaTinhthanhphoketnoimangTruyensolieuchuyendung]] [[upload.SoluongUBNDcapxacuaTinhthanhphoketnoimangTruyensolieuchuyendung]] | |
| 3.5 | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây | 30 | | <p>1. Triển khai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn (đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ TTTT tại Văn bản số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020): 1/2*Điểm tối đa; - Đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây nhưng chưa đạt tiêu chuẩn: 1/4* Điểm tối đa; - Chưa triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây: 0 điểm. | | [[diem.Triển khaiTrung tâmdữ liệu phục vụChuyển đốisố theo hướng sử dụng công nghệđiện toándám mây]] |

| | | | | | | |
|-------|--|----|---|---|--|---|
| 3.5.1 | Triển khai | 15 | [[Trienkhai]] | 2. Kết nối Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ - Kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn: 1/2*Điểm tối đa; - Chưa kết nối: 0 điểm. | Văn bản, tài liệu chứng minh [[area.Trienkhai]] [[upload.Trienkhai]] | [[diem.Trienkhai]] |
| 3.5.2 | Kết nối Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ | 15 | [[KetnoiNentangdientoandammayChinhphu]] | | Văn bản, tài liệu chứng minh [[area.KetnoiNentangdientoandammayChinhphu]] [[upload.KetnoiNentangdientoandammayChinhphu]] | [[diem.KetnoiNentangdientoandammayChinhphu]] |
| 3.6 | Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung | 20 | | 1. Triển khai nền tảng số a = Số lượng nền tảng số đã triển khai; b = Số lượng nền tảng số tối thiểu theo danh mục yêu cầu (7); - Tỷ lệ = a/b - Điểm = Tỷ lệ * 1/2*Điểm tối đa 2. Mô hình triển khai c = Số lượng nền tảng số triển khai tập trung trên Trung tâm dữ liệu; d = Số lượng nền tảng số đã triển khai; - Tỷ lệ = c/d - Điểm = Tỷ lệ * 1/2*Điểm tối đa Danh mục nền tảng số theo yêu cầu: 1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); 2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; 3) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; 4) Nền tảng hợp trực tuyến; 5) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; 6) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; 7) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức | | [[diemtongthe.Mucdotrienkhaicacnentangsodungchung]] |
| 3.6.1 | Triển khai nền tảng số | 10 | [[tyle.Triengkhaientangsoa]] | | | [[diem.Triengkhaientangsoa]] |

| | | | | | | |
|-------|--|----|---|--|--|-----------------------------------|
| | Số lượng nền tảng số đã triển khai | | [[Soluongnentang sodungchungdatr ienkhai]] | | Văn bản, tài liệu chứng minh [[area.Soluongnentangso dungchungdatrienkhai]] [[upload.Soluongnentang sodungchungdatrienkhai]] | |
| 3.6.2 | Mô hình triển khai | 10 | [[tyle.Mo hinhtrien khaia]] | | | [[diem.Mo hinhtrienkhai a]] |
| | Số lượng nền tảng số triển khai tập trung trên Trung tâm dữ liệu | | [[Soluongnentang sotrienkhaitaptrun gtrenTrungtamdu lieu]] | | Văn bản, tài liệu chứng minh [[area.Soluongnentangso trienkhaitaptrung trenTrungtamdu lieu]] [[upload.Soluongnentang sotrienkhaitaptrun gtrenTrungtamdu lieu]] | |
| 3.7 | Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số | 10 | [[tyle.Trienkhaine ntangso]] | a = Số lượng nền tảng số ứng dụng AI đã triển khai; b = Số lượng nền tảng số dùng chung đã triển khai; - Tỷ lệ = a/b - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa | | [[diem.Trienkhainentan gso]] |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | Số lượng nền tảng số ứng dụng AI đã triển khai | | [[SoluongnentangsoungdungAIdatrienkhai]] | | Văn bản, tài liệu chứng minh [[area.SoluongnentangsoungdungAIdatrienkhai]] [[upload.SoluongnentangsoungdungAIdatrienkhai]] | |
|--|--|--|--|--|--|--|